TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tống Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa.

2. Ông Giàng Seo Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

Ngày 30/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị P, năm sinh 1995.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Thào Seo N, năm sinh 1990.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Giàng Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Thào Seo N về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, đến ngày 22/8/2017 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã T, tỉnh Lào Cai), anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau về việc làm

ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh chị không khắc phục được, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn và đến thời điểm hiện tại thì không thể chung sống cùng nhau được nữa. Nay chị P xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị P và anh N chỉ có hai người con chung là cháu Thào Văn T, sinh ngày 27/5/2016 và cháu Thào Thị Thu H, sinh ngày 08/6/2019. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T và cháu H cho đến khi cháu T và cháu H đủ 18 tuổi. Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T và cháu H phát triển khỏe mạnh bình thường và đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị P làm nghề tự do, thu nhập của chị P là 3.000.000 đồng/1 tháng, còn anh N đi làm thuê, thu nhập của anh N là 10.000.000 đồng/1 tháng.

2. Đề nghị của bị đơn: Tại Bản tự khai ngày 14/10/2025 và những lời trình bày tiếp theo, bị đơn anh Thào Seo N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N nhất trí với chị P đã trình bày về thời gian chung sống, kết hôn, nơi cư trú của anh N, chị P và hai con của anh chị. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau về việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình có khuyên can nhiều lần nhưng anh chị không khắc phục được, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn. Nay anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh N nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị P.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thào Văn T và Thào Thị Thu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, cháu T và cháu H đều đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Thào Văn T trình bày: Nếu bố mẹ đẻ cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của cháu được ở với bố, vì bố đẻ của cháu là người quan tâm chăm sóc cháu về mọi mặt, còn mẹ đẻ cháu ít quan tâm đến cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của chị P thuộc thẩm quyền giải của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các

văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp. Qua lời khai của chị P và anh N, thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cả hai anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau về việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị P và anh N đều cho rằng: mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn, anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhiều hơn, chị P xét thấy đến thời điểm hiện tại thì anh chị không thể chung sống cùng nhau được nữa, còn anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị P. Việc mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên can nhiều lần nhưng anh chị không khắc phục được. Tòa án cũng đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có chị P có mặt, còn anh N vắng mặt không có lý do, đồng thời chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án đang tranh chấp của anh chị, qua lời khai của anh N và chị P thì anh chị cũng đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Xét thấy, tình cảm giữa chị P và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị P và anh N chung sống với nhau chỉ có hai con chung là cháu Thào Văn T và cháu Thào Thị Thu H. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì anh N có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị P - thu nhập của chị P là 3.000.000 đồng/1 tháng, còn thu nhập của anh N là 10.000.000 đồng/1 tháng, nên anh N đủ điều kiện nuôi hai con ăn học. Hiện nay, cháu T và cháu H phát triển khỏe mạnh bình thưởng và đang ở cùng với anh N, cháu T và cháu H luôn được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, nên anh N sẽ chăm sóc cháu T và cháu H tốt về mọi mặt, bản thân cháu T có nguyện vọng là được ở với anh N, vì anh N là người quan tâm chăm sóc cháu T về mọi mặt. Vì vậy, việc chị P yêu cầu Toà án giải quyết cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T và cháu H cho đến khi cháu T và cháu H đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị P.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị P và anh Thào Seo N. Quan hệ hôn nhân của chị Giàng Thị P và anh Thào Seo N được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Thào Văn T, sinh ngày 27/5/2016 và cháu Thào Thị Thu H, sinh ngày 08/6/2019 cho anh Thào Seo N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T và cháu H đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Giàng Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000998 ngày 06/10/2024 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND cùng cấp (2);
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã T, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Tống Duy Toán